

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 143/2025/DS-ST

Ngày **22-8-2025**

*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trang Văn Hai.
- Ông Phan Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 565/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2025/QĐST-DS ngày 11/8/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Nhà không số thuộc tổ B, ấp B, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà 2/6, tổ B, khu phố M, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2023, bà L có cho ông P vay số tiền 50.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản, không có lãi suất và không thoả thuận thời hạn trả tiền. Trong quá

trình cho vay ông P đã trả được cho bà L số tiền 25.000.000đ vào ngày 28/02/2025 và hẹn trả hết số tiền còn lại trước ngày 10/5/2025. Hết thời hạn trả nợ ông P không trả thì bà L đã nhiều lần liên hệ với ông P để trả tiền nhưng ông P vẫn không trả như cam kết và tìm mọi cách né tránh. Bà L đã tìm đến nhà để làm việc và ông P có hẹn trả nhưng vẫn không trả và chặn hết liên lạc nên bà L không liên hệ được với ông P để yêu cầu trả tiền.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P trả số tiền nợ gốc 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đương sự, niêm yết đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ đương sự cung cấp thì bị đơn ông P hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 2/6, tổ 4E, khu phố 1, phường Bửu Long,

thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai) nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Nguyễn Minh P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng và ông P đã nhận được nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Theo bà L trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ là sao kê chuyển khoản số tiền cho ông P vay là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ cho ông P và ông P đã nhận được nhưng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Như vậy, có căn cứ để xác định ông P thực tế có vay của bà L số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

[2.3] Về tiền lãi: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương L về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh P phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[4.2] Hoàn trả cho nguyên đơn bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” giữa bà Nguyễn Thị Phương L và ông Nguyễn Minh P.

Tuyên buộc ông Nguyễn Minh P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 1.250.000đ (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Nguyễn Thị Phương L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000đ (sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007170 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND KV1- Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- PTHADS KV1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

